TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-PT
Ngày: 17/02/2023
"V/v tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Liên

Bà Nguyễn Thị Trang Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khaivụ án thụ lý số 447/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 121/2022/DSST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm: 1956; cư trú tại: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm: 1951; cư trú tại: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1954;cư trú tại: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.2 Nguyễn Hoàng N, sinh năm: 1980; cư trú tại: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.3 Nguyễn Thị Mộng Th, sinh năm 1982; cư trú tại: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.4 Nguyễn Thị Mộng Ng, sinh năm 1984; cư trú tại: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.5 Nguyễn Hoàng L1, sinh năm 1988; cư trú tại: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.6 Nguyễn Hoàng Công Kh, sinh năm: 1992;cư trú tại: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.7 Trần Thị M, sinh năm 1955; cư trú tại: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.8 Nguyễn Tấn Th, sinh năm 1974; cư trú tại: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.9 Nguyễn Tấn S, sinh năm 1978; cư trú tại: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.10 Nguyễn Thị Mỹ L2, sinh năm 1981; cư trú tại: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.11 Ủy ban nhân dân quận T.

Địa chỉ: khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo: Ông Nguyễn Tấn L là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản hòa giải trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn ông Nguyễn Thành Tr trình bày:*

Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất xác định ông Nguyễn Văn Ng (sinh năm 1926, chết năm 1999) và bà Lê Thị P (sinh năm 1926, chết năm 2008), có tất cả 03 người con gồm:

1/Nguyễn Tấn L, sinh năm: 1951 (bị đơn)

2/Nguyễn Văn C – sinh năm: 1954, chết năm 2016, có vợ và các con gồm: Trần Thị M – sinh năm: 1955, Nguyễn Tấn Th – sinh năm: 1974, Nguyễn Tấn T, (mất 2001, chưa vợ con), Nguyễn Văn H (tên thường gọi Nguyễn Tấn S – sinh năm: 1978), Nguyễn Thị Mỹ L2 – sinh năm: 1981,

3/Nguyễn Thành Tr – sinh năm: 1956 (nguyên đơn)

Ngoài ra không còn người con chung, con riêng nào khác. Ông Ng, bà P chết không để lại di chúc.

Về nội dung tranh chấp di sản thừa kế:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành Tr cho rằng cha mẹ ông là Nguyễn Văn Ng, Lê Thị P có tạo lập 02 thửa đất gồm: Thửa 1223, diện tích 5.834m^2, loại đất 2L và thửa 1222, diện tích 1.386m^2, loại đất 2L, thuộc tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Vào năm 1996, ông Ng có chuyển nhượng một phần thửa đất 1223, diện tích 2.592m^2, cho ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T (cha mẹ vợ ông L). Lợi dụng việc ông Ng đọc chữ không rành, ông L đã giả mạo chữ ký ông Ng làm thủ tục sang tên toàn bộ quyền sử dụng đất còn lại tại thửa 1222 và 1223

cho ông L đứng tên sử dụng. Thửa 1223 sau khi tách giấy cho ông V được cấp đổi lại thành thửa 1672, diện tích 3.424m^2, đất 2L. Đến năm 2018, ông Tr trích lục hồ sơ địa chính các thửa đất thì phát hiện ra việc ông L giả mạo chữ ký của ông Ng như trên, cho thấy việc ông L đứng tên 02 thửa đất 1222 và 1223 là không hợp pháp.

Cho nên nay ông Tr khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L và yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại, do vợ con của ông Nguyễn Văn C từ chối nhận di sản thừa kế nên ông Tr yêu cầu chia đôi diện tích đất tại thửa 1222 và 1672 làm 02 phần bằng nhau cho ông Tr và ông L, đất hiện do ông Nguyễn Tấn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000257, được Ủy ban nhân dân huyện T (trước đây) cấp ngày 10/5/1996.

Đến ngày 14/6/2022 ông Tr có đơn khởi kiện bổ sung, nội dung xin thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

- Ông Tr xin rút lại yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với thửa đất số 1222 do ông Nguyễn Tấn L đứng tên.

- Ông Tr yêu cầu chia di sản thừa kế tại thửa 1672 (là thửa 1223) làm 03 phần bằng nhau cho 03 người con trong hàng thừa kế của ông Ng và bà P, cụ thể thửa 1672 diện tích qua đo đạc thực tế là 3.124,5m^2, loại đất LUC, do ông L đang quản lý, ông Tr yêu cầu được chia 1/3 là 1.041,5m^2 và yêu cầu được nhận bằng hiện vật, yêu cầu được chia phần đất vị trí giáp với thửa 1220. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

**Bị đơn là ông Nguyễn Tấn L trình bày:*

Ông không đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi vì thửa đất 1222, 1223. Ông L được cha mẹ tặng cho và ông được cấp giấy đứng tên sử dụng hợp pháp, đây không còn là di sản thừa kế của cha mẹ. Trước đây, vào năm 1996, ông Ng có thỏa thuận chuyển nhượng một phần thửa đất 1223, diện tích là 2.592m^2 cho ông Nguyễn Văn V (cha vợ ông L). Phần đất còn lại ông Ng đã chuyển nhượng cho ông L với giá 01 lượng vàng 24k, ông L đã giao vàng và sử dụng đất liên tục từ năm 1996 đến nay.

Những người có liên quan trong hộ ông L thống nhất theo lời trình bày của ông L như trên.

Đối với hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn C, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chỉ có mặt bà Trần Thị M đến Tòa trình bày ý kiến. Bà M và các con ông Có gồm: Nguyễn Tấn Th, Nguyễn Tấn S, Nguyễn Thị Mỹ L2 không có yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ng để lại, bà để cho ông Tr và ông L giải quyết với nhau, do các con bà đi làm ở xa nên không về để đến Tòa trình bày ý kiến được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 121/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân quận T đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hủy "Hợp đồng chuyển nhượng, bán kết quả lao động và đầu tư" (chuyển quyền sử dụng đất) lập ngày 03/01/1996 giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn Ng với bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị Ph.

Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ng tại thửa đất số 1672, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ, hiện do ông Nguyễn Tấn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000257, được Ủy ban nhân dân huyện T (trước đây) cấp ngày 10/5/1996, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Thành Tr được chia diện tích đất 1032,4m^2, loại đất LUC, tại thửa 1672 (ký hiệu A). Buộc hộ ông Nguyễn Tấn L phải có trách nhiệm giao cho ông Nguyễn Thành Tr diện tích đất 1032,4m^2, loại đất LUC, tại thửa 1672 được chia như nêu trên.

- Ông Nguyễn Tấn L được chia diện tích đất 1050,7m^2, loại đất LUC, tại thửa 1672 (ký hiệu C), phần đất này do ông L đang quản lý sử dụng.

- Đối với phần thừa kế của ông Nguyễn Văn C là 1041,2m^2 loại đất LUC, tại thửa 1672 (ký hiệu B), tiếp tục giao cho ông Nguyễn Tấn L quản lý thay, nếu hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn C có tranh chấp yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

Vị trí, kích thước, diện tích đất cụ thể được xác định căn cứ theo Bản trích đo địa chính số 66/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 20/5/2022 và Bản trích đo địa chính điều chỉnh thể hiện cụ thể diện tích đất phân chia (đính kèm).

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan chức năng để làm thủ tục điều chỉnh, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia và hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất theo quy định. Chi phí của việc tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn do nguyên đơn chịu.

Trường hợp đương sự không tự nguyện thực hiện, kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành các thủ tục để điều chỉnh, cấp giấy cho ông Nguyễn Thành Tr đối với diện tích đất được chia như nêu trên.

Về phần tài sản có trên đất tranh chấp: Ông Nguyễn Thành Tr phải trả lại giá trị các cây trồng trên đất cho ông Nguyễn Tấn L gồm: 08 cây Tràm, 02 cây Chùm Ruột, 05 cây Xoài, 21 cây Dừa với tổng số tiền là 14.926.000 đồng *(Mười bốn triệu, chín trăm hai mươi sáu ngàn đồng).* Đồng thời ông Tr được quyền sở hữu các cây trồng nói trên.

Về các chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Tấn L phải nộp số tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản là 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)* và chi phí giám định chữ ký là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*, tổng cộng 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng)* để giao trả lại cho ông Nguyễn Thành Tr.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 07/10/2022, ông L cho rằng, ông là người trực tiếp canh tác nhưng cha mẹ là người thụ hưởng kết quả nên cha mẹ ông mới chuyển nhượng cho ông. Việc cha của ông chuyển nhượng cho ông có chính quyền đo đạc thực tế, gia đình ai cũng biết và không ai phản đối. Do vậy, ông L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của bị đơn. Các bên không thương lượng được việc giải quyết tranh chấp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các quy định pháp luật có liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng, kết quả giám định chữ ký cho thấy ông Ng không ký chuyển nhượng cho ông L. Do vậy, quyền sử dụng đất tương ứng trở thành di sản thừa kế. Ông Tr khởi kiện trong thời hạn luật định. Nguyên đơn là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên yêu cầu chia là có cơ sở pháp luật. Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp về thừa kế tài sản. Tòa án nhân dân quận T đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Kết luận giám định số 155/KLGĐ-PC09 (TL) ngày 08/01/2022 của phòng kỹ thuật hình sự, công an thành phố Cần Thơ xác định: "Chữ ký mang tên Nguyễn Văn Ng trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký của Nguyễn Văn Ng trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M3 không phải do cùng một người ký ra". Điều này cho thấy không có sự kiện ông Ng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông L. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 131, khoản 1 Điều 137 của Bộ luật dân sự năm 1995. Do vậy, Tòa án sơ thẩm đã hủy hợp đồng này là có căn cứ.

[3] Do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/01/1996 là vô hiệu nên thửa đất 1672 (thửa 1223 cũ) là di sản thừa kế của ông Ng để lại. Ông Tr là một trong ba người con của ông Ng nên ông Ng yêu cầu chia 1/3 diện tích của thửa đất 1672 là đúng quy định tại các Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trong đó, phần thừa kế của ông Có (đã chết), do không xác định được hết ý kiến của người thừa kế thế vị nên Tòa

án sơ thẩm đã giao cho bị đơn quản lý và giải quyết sau nếu có yêu cầu là phù hợp.

[4] Từ những nhận định trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật nên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hủy "Hợp đồng chuyển nhượng, bán kết quả lao động và đầu tư" (chuyển quyền sử dụng đất) lập ngày 03/01/1996 giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn Ng với bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị Ph.

Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ng tại thửa đất số 1672, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ, hiện do ông Nguyễn Tấn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000257, được Ủy ban nhân dân huyện T (trước đây) cấp ngày 10/5/1996, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Thành Tr được chia diện tích đất 1032,4m^2, loại đất LUC, tại thửa 1672 (ký hiệu A). Buộc hộ ông Nguyễn Tấn L phải có trách nhiệm giao cho ông Nguyễn Thành Tr diện tích đất 1032,4m^2, loại đất LUC, tại thửa 1672 được chia như nêu trên.

- Ông Nguyễn Tấn L được chia diện tích đất 1050,7m^2, loại đất LUC, tại thửa 1672 (ký hiệu C), phần đất này do ông L đang quản lý sử dụng.

- Đối với phần thừa kế của ông Nguyễn Văn C là 1041,2m^2 loại đất LUC, tại thửa 1672 (ký hiệu B), tiếp tục giao cho ông Nguyễn Tấn L quản lý thay, nếu hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn C có tranh chấp yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

Vị trí, kích thước, diện tích đất cụ thể được xác định căn cứ theo Bản trích đo địa chính số 66/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 20/5/2022 và Bản trích đo địa chính điều chỉnh thể hiện cụ thể diện tích đất phân chia (đính kèm).

Cơ quan quản lý về đất đai có trách nhiệm điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia của các đương sự nêu trên khi có yêu cầu.

Trường hợp đương sự không tự nguyện thực hiện, kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành các thủ tục để điều chỉnh, cấp giấy cho ông Nguyễn Thành Tr đối với diện tích đất được chia như nêu trên.

- Về phần tài sản có trên đất tranh chấp: Ông Nguyễn Thành Tr phải trả lại giá trị các cây trồng trên đất cho ông Nguyễn Tấn L số tiền là 14.926.000 đồng (Mười bốn triệu, chín trăm hai mươi sáu ngàn đồng) để sở hữu cây trồng gồm: 08 cây Tràm, 02 cây Chùm Ruột, 05 cây Xoài, 21 cây Dừa.

2.Về các chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Tấn L phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thành Tr số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

3.Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Các đương sự được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND. TP. Cần Thơ;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chế Linh